zūn cóng

# 遵从

verb · to comply with; to follow

## Example Sentences

Nǐ bì xū zūn cóng guī zé
你必须遵 从 规则。

You must comply with the rules.

Tā zūn cóng le yī shēng de jiàn yì
他遵 从 了医 生 的建议。

He followed the doctor's advice.

Gōng mín yīng dāng zūn cóng fǎ lǜ
公 民 应 当 遵 从 法律。

Citizens should comply with the law.

Trace each character, then write the word on your own.